

Bản án số: 24/2021/HS-PT

Ngày: 18-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc

Các Thẩm phán tham gia: Ông Nguyễn Hồng Chương và bà Phạm Thị Thông

- Thư ký Phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia Phiên toà: Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2021/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn C và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2020/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2021/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn C, sinh năm 1989 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký HKTT: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở hiện nay: Phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp nhất định; con ông Phạm Văn M và bà Phạm Thị M; có vợ là Đàm Thị D (đã ly hôn) và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30-12-2019; đang bị tạm giam – Có mặt.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 tại tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp nhất định; con ông Nguyễn Văn H và bà Sầm Thị M; có chồng là Đán Thanh T (đã ly hôn) và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31-12-2019; đang bị tạm giam – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Nguyễn Văn H, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Thiên H, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; địa chỉ: Phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Anh Võ Minh H, sinh năm 1987; địa chỉ: Phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Anh Phùng Duy K, sinh năm 1985; địa chỉ: Phường A, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1995; địa chỉ: Xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Chị Đinh Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Chị Trần Thị L; sinh năm 1972; địa chỉ: Phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30-12-2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa phát hiện Nguyễn Văn P và Võ Minh H tàng trữ 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng (ma túy). Qua làm việc, P và H khai nhận đã cùng chung tiền mua ma túy này từ Phạm Văn C, để sử dụng. Do đó, trong cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn C (phường N). Khi thấy Cơ quan CSĐT đến, Nguyễn Thị L (đang chung sống như vợ chồng với C) đã khóa cửa phòng trọ, vứt một số đồ vật từ khu vực bếp vào bồn cầu vệ sinh và leo lên gác ném số ma túy (do C để ở cửa sổ thông gió) ra phía sau phòng. Sau đó, C và L bị bắt giữ điều tra.

Qua quá trình điều tra, C khai mua ma túy của một đối tượng tên M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với mục đích sử dụng riêng và bán kiếm lời; L cũng tham gia cùng C bán ma túy cho Trần Ngọc P, Phùng Duy K, Phạm Văn T, cụ thể như sau:

Lần 01: Khoảng 08 giờ ngày 22-12-2019, Trần Ngọc P cùng H ngộ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng góp tiền mua ma túy để sử dụng, P gọi điện cho L vào số điện thoại 0859.139.567 để hỏi mua 200.000 đồng ma túy thì L đồng ý, P đến đây trọ của L, C để lấy ma túy và trả 200.000 đồng.

Lần 02: Khoảng 09 giờ ngày 22-12-2019, Bùi Thế B (trú tại thôn Đ, xã I, thành phố G) nhờ P mua ma túy về sử dụng, nên P gọi điện hỏi L mua 300.000 đồng ma túy thì L đồng ý. Lúc này, L nói với C “có thằng P gọi điện lấy cái 3” thì C lấy ma túy từ khu vực bếp gói lại. Khoảng 10 phút sau, P cùng Lê Anh T đến lấy ma túy, C đưa ma túy cho P và nhận 300.000 đồng, C để số tiền này vào ví của L để sử dụng chung.

Lần 03: Khoảng 12 giờ ngày 22-12-2019, P gọi điện cho L hỏi mua 200.000 đồng ma túy và nói L bù thêm ma túy do lần mua 300.000 đồng ma túy thấy ít thì L đồng ý. Sau khi nghe điện thoại, L nói với C “P gọi điện lấy cái 2, bù thêm cho nó

ít, lúc sáng đưa nó bảo ít”, C đi đến khu vực bếp lấy ma túy gói lại. Khoảng 05 phút sau, P đến lấy ma túy và đưa cho C 103.000 đồng, C đưa tiền này cho L giữ.

Lần 04: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22-12-2019, K lẻ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nhờ P mua ma túy để sử dụng, P gọi điện hỏi mua 500.000 đồng ma túy thì L đồng ý. Sau đó, P đến lấy ma túy thì L đưa cho P 02 tép và nhận 500.000 đồng.

Lần 05: Khoảng 08 giờ ngày 27-12-2019, Phạm Văn T đến phòng trọ của L, C hỏi mua 200.000 đồng ma túy, L cầm tiền và đến khu vực bếp lấy ma túy đưa cho T.

Lần 06: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 27-12-2019, Nguyễn Văn P gọi điện cho C hỏi mua ma túy thì C đồng ý. C lấy ma túy từ khu vực bếp đưa cho P và nhận 162.000 đồng từ P, C tiêu xài riêng hết số tiền này

Lần 07: Khoảng 08 giờ ngày 28-12-2019, Phùng Duy K gọi điện hỏi mua 200.000 đồng ma túy thì L đồng ý. Sau đó, L đi mua đồ ăn nên dặn C bán ma túy cho K, C bán cho K ma túy với giá 200.000 đồng.

Lần 08: Khoảng 06 giờ ngày 29-12-2019, tại phòng trọ của mình L bán ma túy cho T với giá 200.000 đồng.

Lần 09: Khoảng 17 giờ ngày 29-12-2019, K gọi điện hỏi mua ma túy thì L đồng ý. Sau đó, L bán cho K 200.000 đồng ma túy.

Lần 10: Khoảng 06 giờ ngày 30-12-2019, L bán cho K 200.000 đồng ma túy với cách thức tương tự lần trước.

Lần 11: Khoảng 08 giờ ngày 30-12-2019, C bán cho P 300.000 đồng ma túy với cách thức tương tự lần trước.

Thu giữ các đồ vật như sau:

- 01 cục chất rắn màu trắng, không rõ hình dạng, kích thước (được niêm phong trong bì thư số 01).

- 01 túi nilon không màu, miệng buộc túm trong chứa các cục chất rắn màu trắng, không rõ hình dạng, kích thước (được niêm phong trong bì thư số 02).

- Thu giữ của Nguyễn Văn P và Võ Minh H 01 gói giấy bạc màu trắng, được gấp thành hình chữ nhật, kích thước (1x1,5)cm, bên trong đựng chất bột màu trắng (được niêm phong trong bì thư số 03).

- Một số các đồ vật khác.

Tại bản kết luận giám định số 05/KLMT-PC09 ngày 07-01-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: chất rắn màu trắng được thu giữ là heroin.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2020/HS-ST ngày 16 tháng 12 năm 2020 của của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông quyết định căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 251 (áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51 đối với Phạm Văn C) của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn C 08 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị L 07 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 19-12-2020, bị cáo C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo L kháng cáo kêu oan, cho rằng mình không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C thừa nhận bị xử phạt về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo L không thừa nhận phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và vẫn kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo C, L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; tại phiên tòa các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo C, L.

Bị cáo L tự bào chữa: Bị cáo L cho rằng bị cáo bị ép cung, bắt khai theo ý của Cơ quan CSĐT; Cơ quan CSĐT cũng không chứng minh được bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, không xác định được dấu vân tay của bị cáo trên số ma túy thu giữ được, không thu thập được đoạn ghi âm nào thể hiện bị cáo L có mua bán ma túy; bị cáo không biết anh Trần Ngọc P là ai, Cơ quan CSĐT tự làm việc với anh P để anh P khai gây bất lợi cho bị cáo nhưng không cho đối chất giữa bị cáo và anh P. Đối với bị cáo C, Cơ quan CSĐT căn cứ vào lời khai của bị cáo C để xác định bị cáo cùng mua bán ma túy với bị cáo C trong khi bị cáo đã khai bị cáo không mua bán ma túy, như vậy là không công B đối với bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo C đã khai việc bị cáo C mua bán ma túy không L quan đến bị cáo, lời khai này mới đúng sự thật. Đối với anh T và anh K, camera chỉ ghi lại được hình ảnh anh T và anh K đi vào và đi ra khỏi dãy trọ mà bị cáo ở chứ không xác định được giữa bị cáo và anh T, anh K có mua bán ma túy. Bị cáo L đề nghị được xem BL 142, 143 và không thừa nhận chữ viết này là của mình, bị cáo cho rằng mình bị oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và tuyên bị cáo không phạm tội.

Luận cứ bào chữa cho bị cáo L của ông Nguyễn Văn H: Ông H cho rằng chưa đủ căn cứ để kết tội bị cáo L, Cơ quan CSĐT vi phạm thủ tục khám xét, tại mục đại diện chính quyền địa phương do Công an phường ký xác nhận là trái quy định pháp luật. Cáo trạng truy tố bị cáo L có hành vi mua bán ma túy 11 lần nhưng không bắt quả tang, bị cáo cũng không thừa nhận. Cơ quan CSĐT chưa làm rõ khi bị cáo L bị bắt có chống đối không, cũng như chưa làm rõ bị cáo L, C có bị ép cung, mớm cung không, nếu có thì lời khai của bị cáo C trước đây là không khách quan. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo C cũng đã khai nhận bị cáo L không L quan trong việc bị cáo C mua bán ma túy. Đối với số điện thoại 0859 139 567 do bị cáo C đăng ký và cho bị cáo L mượn sử dụng nên không thể ép bị cáo L là người duy nhất sử dụng số điện thoại này. Cần làm rõ Trần Ngọc P và Bùi Thế B L quan như thế nào trong vụ án và cho đối chất giữa Trần Ngọc P với bị cáo L. Đối với anh T, anh K thì bị cáo L đã khai nhận có mâu thuẫn về tiền bạc, bị cáo L không thừa nhận đã bán ma túy cho 02 người này nên cũng không có cơ sở để kết luận bị cáo L có bán ma túy

cho 02 người này theo lời khai của anh T, anh K được. Việc trả hồ sơ điều tra bổ sung ở cấp sơ thẩm chưa làm rõ được bị cáo L có bị ép cung hay không, khi bị bắt có chống đối hay không, chống đối như thế nào mà nhiều thương tích. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm trả hồ sơ để điều tra, làm rõ hành vi của bị cáo L có phạm tội mua bán trái phép chất ma túy không.

Kiểm sát viên tranh luận: Thành phần tham gia chứng kiến là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và hướng dẫn của Bộ Công an. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định pháp luật nên dữ liệu điện tử đảm bảo hợp pháp. Việc lấy lời khai của các bị cáo, những người làm chứng khách quan, không có việc ép cung, mớm cung (việc này cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung) nên những lời khai này có giá trị pháp lý, phù hợp với nhau chứng minh bị cáo L cùng bị cáo C có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lời khai của bị cáo L tại phiên tòa phúc thẩm và luận cứ của người bào chữa, y án sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo L.

Bị cáo C không bào chữa, tranh luận; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Theo lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

[1.1]. Tại bản tự khai ngày 30-12-2019 (BL 281), ngày 04-01-2020 (BL 285), bị cáo C thừa nhận mua ma túy của người tên Mông (không rõ nhân thân, lai lịch), mục đích mua ma túy của C là để về sử dụng riêng và bán cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời. Đối với bị cáo L, tại bản tự khai ngày 30-12-2019 (BL 247), ngày 04-01-2020 (BL 249); biên bản lấy lời khai ngày 30-12-2019, ngày 04-01-2020 đều thể hiện khi thấy Công an đến làm việc bị cáo L đã đóng cửa phòng trọ, lấy ma túy ở khu vực bếp đổ vào bồn cầu nhà vệ sinh, chạy lên gác ném ma túy bị cáo C để ở cửa sổ thông gió ra sau phòng trọ, lời khai nhận này phù hợp với tình tiết được ghi nhận tại biên bản khám xét ngày 30-12-2019 (BL 14), bản ảnh khám xét (BL 16), điều này khẳng định bị cáo L biết việc bị cáo C mua ma túy.

[1.2]. Trong quá trình điều tra và tại Phiên tòa hôm nay, bị cáo C thừa nhận có bán ma túy cho các đối tượng nêu trên với mục đích kiếm lời. Đối với bị cáo L: - Về số điện thoại 0859 139 567: Đây là số điện thoại mà bị cáo L sử dụng để L lạc bán ma túy cho các đối tượng, cụ thể tại bản tự khai ngày 10-01-2020 (BL 251), biên bản lấy lời khai ngày 30-12-2019 (BL 255) đối với bị cáo L; tại bản tự khai ngày 05-01-2020 (BL 284), biên bản lấy lời khai ngày 05-01-2020 (BL 307) đối với bị cáo C; tại biên bản lấy lời khai ngày 20-01-2020 (BL 204) đối với chị Đinh Thị L đều thể hiện nội dung số điện thoại này người sử dụng là bị cáo L. - Về việc bán ma túy của L: Tại bản tự khai ngày 18-01-2020 (BL 181), biên bản lấy lời khai ngày 18-01-2020 (BL 182) đối với Trần Ngọc P thể hiện khoảng 09 giờ ngày 22-12-2019 P L lạc với L vào số điện thoại 0859 139 567 để hỏi mua ma túy cho Bùi

Thế B (phù hợp với lời khai của B tại bản tự khai ngày 21-01-2020 (BL 175) và biên bản lấy lời khai ngày 21-01-2020 (BL 176) đối với B cũng thống nhất nội dung có nhờ P mua giúp ma túy để sử dụng, phù hợp với lời khai của Lê Anh T tại bản tự khai ngày 20-01-2020 (BL 178), biên bản lấy lời khai ngày 20-01-2020 (BL 179), T thừa nhận chở P đi đến đầu hẻm gần ngã 3 Sùng Đức – đầu hẻm đi xuống phòng trọ của L, C và T có nghe P nói chuyện điện thoại với một người phụ nữ có nội dung “chị ơi, để em cái 3”), sau đó người giao ma túy cho P là C, điều này khẳng định bị cáo L đã nói lại việc mua ma túy của P cho C biết để C bán ma túy cho P. Đối với những lần bị cáo L bán ma túy cho Phạm Văn T và Phùng Duy K, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai đối với T, K thì T, K đều có lời khai thống nhất, mô tả đúng vị trí mà L, C để ma túy ngay khu vực bếp (đối với ma túy còn lại tại khu vực này khi Cơ quan CSĐT đến khám xét, bị cáo L đã có hành động P tang), khi T, K trực tiếp đến phòng trọ mua ma túy đã được L lấy ma túy từ đây đưa cho. Giữa bị cáo L và T, K không có mối quan hệ gì, không có mâu thuẫn gì (đã được Cơ quan CSĐT cho đối chất), bị cáo L cho rằng có mâu thuẫn về tiền vay nên T, K mới khai bắt lợi cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[1.3]. Như vậy, có đầy đủ căn cứ khẳng định Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt các bị cáo C, L về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo C: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt 08 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bị cáo là người chủ mưu và thực hành tích cực. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo C.

[3]. Xét nội dung kháng cáo kêu oan, cho rằng mình không phạm tội của bị cáo L: Căn cứ những phân tích ở mục [1] thì có đầy đủ căn cứ xác định bị cáo L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh đối với bị cáo L.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn C 08 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (30-12-2019).

1.2. Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (31-12-2019).

2. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn C, Nguyễn Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (*Vụ GĐKT I*) (1);
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh Đắk Nông (2);
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đ (1);
- CQ THAHS - CA tỉnh Đ (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đ (2);
- CQ CSĐT - CA thành phố Gia Nghĩa (1);
- VKSND thành phố Gia Nghĩa (1);
- TAND thành phố Gia Nghĩa (3);
- CQ THAHS - CA thành phố G (1);
- Chi cục THADS thành phố G (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (3) (*Trong đó có 02 bản kính nhờ Trại tạm giam tổng đạt cho các bị cáo*);
- Những người tham gia tố tụng khác (1);
- Lưu: THCTP (1), THS (2), HSVA (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Bùi Thị Ngọc